

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **41** /2020/QĐ-UBND

Hải Dương, ngày **21** tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Giao số lượng và bố trí cán bộ, công chức cấp xã
trên địa bàn tỉnh Hải Dương**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

SỞ TƯ PHÁP TỈNH HẢI DƯƠNG
Số: **2291**
Ngày: **24/7/2020**
Chuyên:
Lưu hồ sơ số:

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao số lượng cán bộ, công chức cấp xã theo Quyết định phân loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn

1. Đơn vị hành chính Loại I: Tối đa 22 người. Cụ thể như sau:

a) Cán bộ không quá 11 người.

- Bí thư Đảng ủy;

- Phó Bí thư Đảng ủy;

- Chủ tịch Hội đồng nhân dân (do Bí thư Đảng ủy hoặc Phó Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm);

- Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân;

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân;

- Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân (02 người);

- Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;
- Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam;
- Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam;
- Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

b) Công chức không quá 11 người.

- Chỉ huy trưởng Quân sự;
- Văn phòng - Thống kê: 02 người. Trong đó 01 người làm công tác Văn phòng HĐND và UBND - thống kê và thủ quỹ và 01 người làm công tác Văn phòng Đảng ủy - nội vụ.

- Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường: đối với phường 02 người, trong đó 01 người làm công tác Địa chính; 01 người làm công tác xây dựng - đô thị và môi trường. Đối với thị trấn: 02 người, trong đó 01 người làm công tác Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường; 01 người làm công tác Nông nghiệp, nông thôn và theo dõi công tác Kế hoạch - giao thông - thủy lợi. Đối với xã chức danh Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường: 02 người, trong đó 01 người làm công tác Địa chính - xây dựng và môi trường; 01 người làm công tác Nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và theo dõi công tác Kế hoạch - giao thông - thủy lợi.

- Tài chính - kế toán (02 người);
- Tư pháp - hộ tịch (02 người);
- Văn hoá - xã hội: 02 người. Trong đó 01 người làm công tác Văn hóa, thông tin - thể dục, thể thao; 01 người làm công tác Lao động - thương binh và xã hội.

2. Đơn vị hành chính Loại II: Tối đa 20 người. Cụ thể như sau:

a) Cán bộ không quá 10 người.

Các chức danh cán bộ như đơn vị hành chính Loại I. Trong đó chức danh Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân là 01 người.

b) Công chức không quá 10 người.

Các chức danh công chức như đơn vị hành chính Loại I. Trong đó chức danh Tài chính - kế toán là 01 người.

3. Đơn vị hành chính Loại III: Tối đa 18 người. Cụ thể như sau:

a) Cán bộ không quá 10 người.

Các chức danh cán bộ như đơn vị hành chính Loại II.

b) Công chức không quá 08 người.

Các chức danh công chức như đơn vị hành chính Loại II. Trong đó chức danh Tư pháp - hộ tịch 01 người. Chức danh: Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn 01 người); Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã 01 người).

(Danh sách phân loại đơn vị hành chính cấp xã theo phụ lục đính kèm).

4. Đối với đơn vị hành chính cấp xã loại II nhiệm kỳ 2021-2026 có không quá 02 Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân (*cán bộ không quá 11 người, công chức không quá 09 người, chức danh công chức Tư pháp - hộ tịch 01 người*).

5. Đối với các xã, phường, thị trấn: Số lượng cán bộ, công chức quy định ở trên đã tính giảm 01 người do bố trí Trưởng công an là công an chính quy.

6. Đối với các phường không có tổ chức Hội Nông dân thì số lượng cán bộ quy định trên giảm 01 người (*các phường thuộc thành phố Hải Dương: Trần Hưng Đạo, Quang Trung, Phạm Ngũ Lão, Nguyễn Trãi, Trần Phú và Lê Thanh Nghị*).

7. Số lượng cán bộ, công chức cấp xã quy định trên đã bao gồm cả cán bộ, công chức được luân chuyển, điều động, biệt phái về cấp xã.

8. Đối với các xã, phường, thị trấn thuộc diện sắp xếp các đơn vị hành chính theo Nghị quyết số 653/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì số lượng cán bộ, công chức sau khi sắp xếp thực hiện theo các quy định về sắp xếp của tỉnh.

Điều 2. Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn tổ chức, thực hiện việc bố trí số lượng, chức danh, xếp lương, giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã theo đúng quy định của pháp luật.

Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố lập phương án bố trí, sắp xếp giải quyết đối với những cán bộ, công chức cấp xã dôi dư (nếu có), khi thực hiện số lượng giao tại Điều 1 Quyết định này theo quy định tại Điều 14 Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2020 và thay thế các Quyết định số 25, 26, 27/2010/QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2010 của UBND tỉnh quy định về giao số lượng, bố trí chức danh đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*(S)*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp, Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Vụ Pháp chế, Bộ Nội vụ;
- TTTU; TT.HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- VPTU, các Ban của Tỉnh ủy và HĐND tỉnh;
- UB MTTQ và các tổ chức chính trị-xã hội tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Viện KSND, TAND, CA tỉnh; Bộ CHQS tỉnh;
- Trung tâm CNTT - VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC#

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Dương Thái

DANH SÁCH PHÂN LOẠI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ
(Ban hành kèm theo Quyết định số **41** /2020/QĐ-UBND ngày **21** /7 /2020
của UBND tỉnh)

I. THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG: 25 ĐƠN VỊ

1. Đơn vị hành chính cấp xã loại I, gồm có 08 phường:

- | | |
|----------------------|---------------------|
| a) Phường Hải Tân | đ) Phường Nam Đồng |
| b) Phường Thanh Bình | e) Phường Ái Quốc |
| c) Phường Việt Hòa | g) Phường Tân Bình |
| d) Phường Tứ Minh | h) Phường Thạch Khê |

2. Đơn vị hành chính cấp xã loại II, gồm có 16 phường, xã:

- | | |
|-------------------------|--------------------|
| a) Phường Ngọc Châu | i) Phường Tân Hưng |
| b) Phường Bình Hàn | k) Phường Nhị Châu |
| c) Phường Cẩm Thượng | l) Xã Ngọc Sơn |
| d) Phường Phạm Ngũ Lão | m) Xã Quyết Thắng |
| đ) Phường Nguyễn Trãi | n) Xã Tiên Tiến |
| e) Phường Trần Phú | o) Xã Liên Hồng |
| g) Phường Quang Trung | p) Xã Gia Xuyên |
| h) Phường Lê Thanh Nghị | q) Xã An Thượng |

3. Đơn vị hành chính cấp xã loại III, gồm 01 phường: Phường Trần Hưng Đạo

II. THÀNH PHỐ CHÍ LINH: 19 ĐƠN VỊ

1. Đơn vị hành chính cấp xã loại I, gồm có 07 phường, xã:

- | | |
|--------------------|--------------------|
| a) Phường Sao Đỏ | đ) Phường Văn An |
| b) Phường Cộng Hòa | e) Phường Chí Minh |
| c) Phường Phả Lại | g) Xã Lê Lợi |
| d) Phường Văn Đức | |

2. Đơn vị hành chính cấp xã loại II, gồm có 11 phường, xã:

- | | |
|---------------------|--------------------|
| a) Phường Hoàng Tân | g) Phường An Lạc |
| b) Phường Thái Học | h) Phường Cổ Thành |

- c) Phường Bến Tắm
- d) Phường Tân Dân
- đ) Phường Đồng Lạc
- e) Phường Hoàng Tiến
- i) Xã Bắc An
- k) Xã Hoàng Hoa Thám
- l) Xã Hưng Đạo

3. Đơn vị hành chính cấp xã loại III, gồm có 01 xã: Xã Nhân Huệ

III. THỊ XÃ KINH MÔN: 23 ĐƠN VỊ

1. Đơn vị hành chính cấp xã loại I, gồm có 02 phường:

- a) Phường Minh Tân
- b) Phường Phú Thứ

2. Đơn vị hành chính cấp xã loại II, gồm có 20 phường, xã:

- a) Xã Thăng Long
- b) Xã Lạc Long
- c) Xã Lê Ninh
- d) Xã Hiệp Hòa
- đ) Xã Bạch Đằng
- e) Xã Quang Thành
- g) Xã Thượng Quận
- h) Xã Minh Hòa
- i) Phường Phạm Thái
- k) Phường An Sinh
- l) Phường An Phụ
- m) Phường Hiệp Sơn
- n) Phường An Lưu
- o) Phường Hiệp An
- p) Phường Long Xuyên
- q) Phường Thái Thịnh
- r) Phường Hiến Thành
- s) Phường Thất Hùng
- t) Phường Duy Tân
- u) Phường Tân Dân

3. Đơn vị hành chính cấp xã loại III, gồm có 01 xã: Xã Hoàn Sơn

IV. HUYỆN KIM THÀNH: 18 ĐƠN VỊ

1. Đơn vị hành chính cấp xã loại II, gồm có 16 xã:

- a) Xã Lai Vu
- b) Xã Thượng Vũ
- c) Xã Cộng Hòa
- d) Xã Cổ Dũng
- đ) Xã Kim Xuyên
- i) Xã Kim Đính
- k) Xã Bình Dân
- l) Xã Liên Hòa
- m) Xã Tuấn Việt
- n) Xã Kim Liên

- e) Xã Kim Anh
- g) Xã Ngũ Phúc
- h) Xã Kim Tân
- o) Xã Đồng Cẩm
- p) Xã Đại Đức
- q) Xã Tam Kỳ

2. Đơn vị hành chính cấp xã loại III, gồm có 02 xã, thị trấn:

- a) Thị trấn Phú Thái
- b) Xã Phúc Thành

V. HUYỆN NAM SÁCH: 19 ĐƠN VỊ

1. Đơn vị hành chính cấp xã loại II, gồm có 17 xã, thị trấn:

- a) Xã An Bình
- b) Xã An Sơn
- c) Xã An Lâm
- d) Xã Cộng Hòa
- đ) Xã Đồng Lạc
- e) Xã Hồng Phong
- g) Xã Hiệp Cát
- h) Xã Hợp Tiến
- i) Xã Minh Tân
- k) Xã Nam Hồng
- l) Xã Nam Trung
- m) Xã Nam Hưng
- n) Xã Nam Tân
- o) Xã Quốc Tuấn
- p) Xã Thái Tân
- q) Xã Thanh Quang
- r) Thị trấn Nam Sách

2. Đơn vị hành chính cấp xã loại III, gồm có 02 xã:

- a) Xã Nam Chính
- b) Xã Phú Điền

VI. HUYỆN THANH HÀ: 20 ĐƠN VỊ

1. Đơn vị hành chính cấp xã loại II, gồm có 17 xã, thị trấn:

- a) Thị trấn Thanh Hà
- b) Xã Hồng Lạc
- c) Xã Thanh An
- d) Xã Thanh Lang
- đ) Xã Liên Mạc
- e) Xã Cẩm Chế
- k) Xã Thanh Khê
- l) Xã Thanh Xuân
- m) Xã Thanh Thủy
- n) Xã Thanh Sơn
- o) Xã An Phượng
- p) Xã Thanh Quang

- g) Xã Tân Việt
- h) Xã Tân An
- i) Xã Thanh Hải
- q) Xã Thanh Cường
- r) Xã Thanh Hồng

2. Đơn vị hành chính cấp xã loại III, gồm có 03 xã:

- a) Xã Vĩnh Lập
- b) Xã Việt Hồng
- c) Xã Thanh Xá

VII. HUYỆN BÌNH GIANG: 16 ĐƠN VỊ

Đơn vị hành chính cấp xã loại II, gồm có 16 xã, thị trấn:

- a) Xã Bình Minh
- b) Xã Bình Xuyên
- c) Xã Cổ Bi
- d) Xã Nhân Quyền
- đ) Xã Vĩnh Hưng
- e) Xã Hồng Khê
- g) Xã Hùng Thắng
- h) Xã Long Xuyên
- i) Xã Tân Việt
- k) Xã Tân Hồng
- l) Xã Thái Hòa
- m) Xã Thái Học
- n) Xã Thái Dương
- o) Xã Thúc Kháng
- p) Xã Vĩnh Hồng
- q) Thị trấn Kê Sắt

VIII. HUYỆN CẨM GIANG: 17 ĐƠN VỊ

1. Đơn vị hành chính cấp xã loại I, gồm có 02 xã, thị trấn:

- a) Xã Tân Trường
- b) Thị trấn Lai Cách

2. Đơn vị hành chính cấp xã loại II, gồm có 13 xã, thị trấn:

- a) Xã Cẩm Hưng
- b) Xã Cẩm Điền
- c) Xã Cẩm Phúc
- d) Xã Lương Điền
- đ) Xã Cẩm Văn
- e) Xã Định Sơn
- g) Xã Ngọc Liên
- h) Xã Cẩm Đông
- i) Xã Cẩm Hoàng
- k) Xã Cao An
- l) Xã Đức Chính
- m) Xã Cẩm Vũ
- n) Thị trấn Cẩm Giang

3. Đơn vị hành chính cấp xã loại III, gồm có 02 xã:

- | | |
|----------------|-----------------|
| a) Xã Cẩm Đoài | b) Xã Thạch Lỗi |
|----------------|-----------------|

IX. HUYỆN GIA LỘC: 18 ĐƠN VỊ

1. Đơn vị hành chính cấp xã loại I, gồm 01 thị trấn: Thị trấn Gia Lộc

2. Đơn vị hành chính cấp xã loại II, gồm có 14 xã:

- | | |
|------------------|-------------------|
| a) Xã Yết Kiêu | h) Xã Thống Nhất |
| b) Xã Phạm Trán | i) Xã Đoàn Thượng |
| c) Xã Toàn Thắng | k) Xã Hồng Hưng |
| d) Xã Gia Lương | l) Xã Quang Minh |
| đ) Xã Thống Kênh | m) Xã Gia Tân |
| e) Xã Lê Lợi | n) Xã Hoàng Diệu |
| g) Xã Gia Khánh | o) Xã Đông Quang |

3. Đơn vị hành chính cấp xã loại III, gồm có 03 xã:

- | | |
|-----------------|----------------|
| a) Xã Tân Tiến | c) Xã Nhật Tân |
| b) Xã Đức Xương | |

X. HUYỆN TỨ KỲ: 23 ĐƠN VỊ

1. Đơn vị hành chính cấp xã loại II, gồm có 15 xã, thị trấn:

- | | |
|-------------------|-------------------|
| a) Thị trấn Tứ Kỳ | i) Xã Đại Sơn |
| b) Xã Hưng Đạo | k) Xã Chí Minh |
| c) Xã Quang Phục | l) Xã Quang Trung |
| d) Xã Tân Kỳ | m) Xã Nguyên Giáp |
| đ) Xã Dân Chủ | n) Xã Minh Đức |
| e) Xã Văn Tố | o) Xã Tiên Động |
| g) Xã An Thanh | p) Xã Hà Kỳ |
| h) Xã Cộng Lạc | |

2. Đơn vị hành chính cấp xã loại III, gồm có 08 xã:

- | | |
|-----------------|------------------|
| a) Xã Bình Lãng | đ) Xã Hà Thanh |
| b) Xã Tái Sơn | e) Xã Quang Khải |

- c) Xã Phượng Kỳ
- d) Xã Đại Hợp
- g) Xã Ngọc Kỳ
- h) Xã Quảng Nghiệp

XI. HUYỆN THANH MIỆN: 17 ĐƠN VỊ

1. Đơn vị hành chính cấp xã loại I, gồm có 01 thị trấn: Thị trấn Thanh Miện

2. Đơn vị hành chính cấp xã loại II, gồm có 16 xã:

- a) Xã Hồng Phong
- b) Xã Ngô Quyền
- c) Xã Hồng Quang
- d) Xã Tân Trào
- đ) Xã Đoàn Kết
- e) Xã Lê Hồng
- g) Xã Thanh Tùng
- h) Xã Đoàn Tùng
- i) Xã Phạm Kha
- k) Xã Lam Sơn
- l) Xã Tứ Cường
- m) Xã Cao Thắng
- n) Xã Ngũ Hùng
- o) Xã Chi Lăng Bắc
- p) Xã Chi Lăng Nam
- q) Xã Thanh Giang

XII. HUYỆN NINH GIANG: 20 ĐƠN VỊ

1. Đơn vị hành chính cấp xã loại I, gồm có 01 xã: Xã Tân Quang

2. Đơn vị hành chính cấp xã loại II, gồm có 12 xã, thị trấn:

- a) Xã Hồng Dụ
- b) Xã Hưng Long
- c) Xã Tân Hương
- d) Xã Ứng Hòa
- đ) Xã Văn Hội
- e) Xã Kiến Quốc
- g) Xã Tân Phong
- h) Xã Vĩnh Hòa
- i) Xã Nghĩa An
- k) Xã Hồng Phong
- l) Xã Hồng Đức
- m) Thị trấn Ninh Giang

3. Đơn vị hành chính cấp xã loại III, gồm có 07 xã:

- a) Xã An Đức
- b) Xã Đồng Tâm
- c) Xã Đông Xuyên
- d) Xã Hiệp Lực
- e) Xã Hồng Phúc
- g) Xã Vạn Phúc
- h) Xã Ninh Hải